



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo Ban Giám đốc	01 – 02
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	03 – 04
3. Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	05 – 10
4. Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 – 14



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của **Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC–UBCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị:

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người đại diện theo pháp luật
Ông Ho, Feng Tao	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Huang, Wan-Hui	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát:

Ông Liew, Sep-Siang	Trưởng ban
Ông Lii, San-Rong	Thành viên
Ông Lo, Nai-Wei	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Lu, Hui-Hung	Tổng Giám đốc
Bà Kuo, Ping-Mín	Phó Tổng Giám đốc
Bà Shiu, Jingshia	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng;
- ❖ Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành;
- ❖ Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- ❖ Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng, tại ngày lập báo cáo này phê duyệt phát hành Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Duyệt, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Albert Kwang-Chin Ting

Lu, Hui-Hung

Số: 267./BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng**

Kính gửi: - Các cổ đông Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024 và trình bày từ trang 5 đến trang 14.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty phù hợp với Thông tư số 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các quy trình kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN KTV: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyên Thúy Mai

Số giấy CNĐKHN KTV: 0848-2023-142-1



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Người lập

Nguyễn Thị Quỳnh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét

Nguyễn Duy Long
Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ

Người duyệt



Lu, Hui-Hung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
A	Nguồn Vốn			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	39.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(18.255.993.253)		
9	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	-
14	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	TỔNG			20.744.006.747
B	Tài sản ngắn hạn			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
	Đầu tư ngắn hạn			
1	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6			-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</i>			
	Phải thu của khách hàng:			
1	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Trả trước cho người bán			-
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ:			
3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Phải thu nội bộ ngắn hạn:			
4	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán:			
5	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Các khoản phải thu khác:			
6	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			92.000.000
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>			-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn			
2	Thuế GTGT được khấu trừ		1.325.531.721	
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
	Tạm ứng			
4.1	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			-
IB	TỔNG			1.417.531.721
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
	Phải thu dài hạn của khách hàng			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			-
	Phải thu dài hạn nội bộ			
3	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		729.199.391	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	Tài sản cố định			151.773.081
III	Bất động sản đầu tư			-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con			-
	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
2	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6			-
3	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài			-
4	Đầu tư dài hạn khác			-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Chi phí trả trước dài hạn		4.281.476.517	
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			-
3	Ký cược ký quỹ dài hạn			-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6			
1C	TỔNG			5.162.448.989
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C				14.164.026.037

23
 C.T.C
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 QUẢN LÝ QUỸ
 PHÚ HƯNG
 - T.P. HỒ CHÍ MINH
 1729-
 CÔNG TY
 TNHH
 CHUYỂN VỐN VÀ
 HÌNH KẾ T
 A KIỂM TOÁN
 PHÍA NAM
 - T.P. HỒ

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG		Hệ số rủi ro (%)	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
Các hạng mục đầu tư		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0%	2.755.333.522	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%	-	-
III. Trái phiếu tổ chức tín dụng				
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết		-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết		-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-	
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
V. Cổ phiếu				
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại SGDCK Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại SGDCK Hà Nội	15%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư tài chính riêng lẻ	30%	-	-
VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	-	-
VIII. Chứng khoán khác				
21	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần	100%	-	-
22	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
23	Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng				
Chi tiết tới từng mã chứng khoán		Mức tăng thêm	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Rủi ro tăng thêm do tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên	30%	-	-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				

B. RỦI RO THANH TOÁN								
Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023								
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	785.312.876	-	785.312.876
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán		-	-	-	-	785.312.876	-	785.312.876

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	-	-
	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).	100%	-	-
Tổng rủi ro quá thời hạn thanh toán				-
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
	Chi tiết	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Giá trị hợp đồng tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu	30%	785.312.876	235.593.863
Tổng rủi ro tăng thêm				235.593.863
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				1.020.906.739

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG		GIÁ TRỊ
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2023	15.701.521.001
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	42.355.284
1	Chi phí khấu hao	42.355.284
2	Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-
3	Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
4	Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ: (III=I-II)	15.659.165.717
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ: (IV= III*25%)	3.914.791.429
V	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán (25% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán có nghiệp vụ chứng khoán phái sinh)	5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})		5.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		6.020.906.739

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.020.906.739	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	6.020.906.739	
5	Vốn khả dụng	14.164.026.037	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	235,25%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ chứng khoán

3. Hoạt động chính: Thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

4. Vốn góp cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39.000.000.000 VND, gồm có các cổ đông dưới đây:

STT	Tên	Loại cổ đông	Giá trị góp vốn (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Phát Triển Thế Vũ	Cổ đông góp vốn	21.450.000.000	55,00%
2	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Cổ đông góp vốn	8.775.000.000	22,50%
3	Ông Ting, Kwang Hung	Cổ đông góp vốn	8.775.000.000	22,50%
TỔNG CỘNG			39.000.000.000	100%

5. Tổng số nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 29 nhân viên trong đó có 12 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề (ngày 31/12/2022 Công ty có 25 nhân viên trong đó có 11 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

1. Tuyên bố về tuân thủ:

Báo cáo tỷ lệ an toàn Tài chính đã được lập phù hợp với các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

2. Cơ sở số liệu tài chính:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

III. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG TRONG VIỆC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

1. Tỷ lệ Vốn khả dụng:

Tỷ lệ Vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức qui định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}} \times 100\%$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

2. Vốn khả dụng:

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là năm (5) năm và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; và
- Các công cụ nợ khác do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu trên mười (10) năm và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vào vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày; và các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có).

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị sổ sách (đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng).

3. Giá trị rủi ro thị trường:

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC như sau:

$$\text{Rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

a. Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được quy định tại Phụ lục II, Thông tư số 91/2020/TT-BTC như sau:

- Tiền: Số dư tài khoản tại ngày tính toán.
- Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán.
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng: Giá trị tiền gửi cộng lãi lũy kế tính đến ngày tính toán.
- Trái phiếu không niêm yết: Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:
 - + Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn, cộng lãi lũy kế;
 - + Giá mua cộng lãi lũy kế;
 - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
 - + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.

b. Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Phụ lục I, Thông tư số 91/2020/TT-BTC như sau:

- Tiền mặt, các khoản tương đương tiền: 0%
- Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm: 25%

c. Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định theo quy định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo nguyên tắc:

- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của công ty chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu.

4. Giá trị rủi ro thanh toán:

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán khi kết thúc ngày giao dịch đối với khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng như sau:

$Giá\ trị\ rủi\ ro\ thanh\ toán = Hệ\ số\ rủi\ ro\ thanh\ toán\ theo\ đối\ tác \times Giá\ trị\ tài\ sản\ tiềm\ ẩn\ rủi\ ro\ thanh\ toán$

a. Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác:

Căn cứ Thông tư số 91/2020/TT-BTC, Công ty áp dụng hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác cho khoản "Tiền gửi có kỳ hạn" tại các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động tại Việt Nam là 6%.

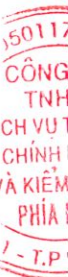
b. Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán cho các loại giao dịch trên là toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn cộng lãi tiền gửi.

c. Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán:

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp sau:

- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. Giá trị rủi ro hoạt động:

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi :

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; và
- Dự phòng phải thu khó đòi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người Lập



Nguyễn Thị Quỳnh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét



Nguyễn Duy Long
Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ

Người duyệt



Lưu, Hui-Hung
Tổng Giám đốc

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính)